

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:49/2019/HNGĐ-ST

Ngày:12/12/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2.bà Cao Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa:Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 166/ 2019/ TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 09/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978(có mặt)

Địa chỉ:Số nhà 405,thôn Bình L, xã Phan R Th, huyện BB, tỉnh Bình Th

-Bị đơn: Ông Trần Minh L, sinh năm 1973(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình L, xã Phan R Th, huyện BB, tỉnh Bình Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

1.Về hôn nhân: Bà và ông Trần Minh L tự nguyện yêu nhau có gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn.Sau khi cưới bà và ông L sống chung tại nhà mẹ ông L được 03 năm ra ở riêng.Trong quá trình sống chung cuộc sống giữa bà và ông L hạnh phúc có hai người con nhưng kinh tế ngày càng khó khăn do công việc không ổn định.Vì vậy, nợ nần nên bà có bàn với ông L nhờ em gái bà bảo lãnh sang Đài Loan lao động kiếm tiền về trả nợ và nuôi con ăn học và kiếm vốn làm ăn.Ông L ở nhà có người khác trong thời gian bà đi lao động bên Đài Loan.Khi bà trở về ông L lạnh nhạt không còn thương yêu

bà như trước, nhà ông L thì lời ra tiếng vào bán tín bán nghi bà qua Đài Loan có người khác nên lòng bà tổn thương. Từ đó, bà về nhà cha mẹ bà ở đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông L theo quy định pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu giao con Trần Đình Đ, sinh 25/3/2003 cho ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Đối với cháu Trần Thị Tuyết D, sinh ngày 20/8/1995 (đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết)

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Đối với bị đơn ông Trần Minh L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, đưa ra xét xử nhưng ông L vẫn vắng mặt lần thứ hai mặt dù đã được thông báo niêm yết hợp lệ 2 lần nên vụ án xét xử vắng mặt ông Trần Minh L là phù hợp Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân giữa bà và ông Trần Minh L theo pháp luật.

Về con chung: Bà H vẫn giữ yêu cầu giao con là Trần Đình Đ, sinh 25/3/2003 cho ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Đối với cháu Trần Thị Tuyết D, sinh ngày 20/8/1995 (đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết)

Tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB kiểm sát việc xét xử và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 196, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự quy định tại Điều 203, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều

15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L sống chung với nhau từ năm 1994 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L là vợ chồng. Về con chung: 1/Trần Đình Đ, sinh 25/3/2003 giao ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:Do bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay tuy không đăng ký kết hôn nhưng có con chung nên bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông Trần Minh L là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]Về hôn nhân:Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến nay, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.Vì vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên bà H không tiếp tục sống chung với ông L và yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật, ông L không có ý kiến gì và không còn quan tâm gì đối với việc bà Nguyễn Thị Thanh H không còn chung sống với ông.Tại văn bản xác nhận theo đơn của bà Nguyễn Thị Thanh H ngày 18/4/2019 UBND xã Phan R Th xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L không đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan R Th nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L là vợ chồng.

[3]Về con chung: Trần Đình Đ, sinh 25/3/2003, hiện nay cháu Đ đang sống cùng ba cháu là ông Trần Minh L và có nguyện vọng tiếp tục sống cùng ba cháu.Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H phù hợp nguyện vọng của cháu Đ nên cần tiếp tục giao cháu Đ cho ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.Cháu Trần Thị Tuyết D, sinh ngày 20/8/1995 đã trưởng thành nên không xem xét.

[4]Tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53, Điều 81 và điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:[1]Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Minh L là vợ chồng.

[2]Về con chung: Giao cháu Trần Đình Đ, sinh 25/3/2003 cho ông Trần Minh L tiếp tục nuôi dưỡng.Bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.Bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền thăm nom và chăm sóc giáo dục con chung.

[3]Về án phí:Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 600.000đ(Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm(300.000đ về ly hôn và 300.000đ về cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0016291 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.Bà H phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]Quyền kháng cáo:Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Dương sự
- UBND xã Phan R Th
- Lưu HSA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thanh Thảo

